

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST  
Ngày: 27/9/2021  
“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Cường;
2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 31/8/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1971,

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt*.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Vũ Th, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn 02, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tường V trình bày:**

Do quen biết nên ngày 12/9/2014 bà Đặng Thị Mỹ H có cho ông Nguyễn Vũ Th vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hẹn thời hạn trả nợ đến ngày 28/12/2014 âm lịch trả cả gốc và lãi.

Ngày 15/02/2016 ông Nguyễn Vũ Th tiếp tục vay của bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hẹn thời hạn trả nợ sau một năm trả cả gốc và lãi suất.

Mục đích vay là để buôn bán. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền viết tay mà bà H dùng làm căn cứ khởi kiện là do ông Th ký và viết ra.

Cho đến nay cả hai khoản vay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Th vẫn chưa trả cho bà H khoản tiền nào, kể cả gốc và lãi. Nay đề nghị Tòa án buộc ông Th phải trả lại cho bà H số tiền gốc đã vay tổng cộng là 200.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Vũ Th trình bày:**

Ông Nguyễn Vũ Th xác định ngày 15/02/2016 ông Th có vay của bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 100.000.000 đồng, hai bên không xác định thời hạn trả nợ, với lãi suất 15%/năm/một triệu. Mục đích vay là để chữa bệnh. Cho đến nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông Th chưa trả được tiền gốc cho bà H, chỉ trả được một phần tiền lãi. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Th trả số tiền này thì ông đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị bà H cho trả dần. Giấy vay tiền do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện là do bị đơn viết và ký ra.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 12/9/2014 thì ông không đồng ý trả vì ông không vay của bà H khoản tiền này nhưng ông xác định chữ ký, chữ viết dưới mục người viết đơn vay tại giấy vay tiền mà bà H dùng làm căn cứ khởi kiện là do ông viết và ký ra.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:**

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/02/2016 nên ghi nhận sự thừa nhận này; còn đối với số tiền 100.000.000 đồng tại giấy vay tiền ghi ngày 12/9/2014 thì bị đơn cho rằng không phải vay của nguyên đơn nhưng thừa nhận chữ viết và chữ

ký trong giấy vay tiền này là do bị đơn ký và viết ra nên cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Áp dụng Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 200.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo “giấy vay tiền” ghi ngày 12/9/2014 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, hạn thời hạn trả nợ đến ngày 28/12/2014 (âm lịch) và “giấy mượn tiền” ngày 15/02/2016 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 01 năm mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện cũng như lời khai của các đương sự thì xác định các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Ngày 25/9/2020 nguyên đơn có đơn khởi kiện là đã quá thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự 2005 và điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Kiện đòi tài sản” và chỉ giải quyết về việc đòi lại tài sản là khoản tiền gốc, không giải quyết về vấn đề lãi suất. Bị đơn cư trú tại thôn 02, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Nguyễn Vũ Th đã được Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa lần hai vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt ông Th.

[3] Về nội dung vụ án: Theo “giấy vay tiền” ghi ngày 12/9/2014 xác định nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, hạn thời hạn trả nợ đến ngày 28/12/2014 (âm lịch) và “giấy mượn tiền” ghi ngày 15/02/2016 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 01 năm mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện cũng như lời khai của các đương sự thì xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng nhưng nay đã quá thời hạn trả nợ mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền gốc là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn cho rằng có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 15/02/2016 là đúng và đề nghị được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý; còn đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 12/9/2014 bị đơn cho rằng không vay của bà H nhưng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong nội dung giấy vay tiền này là do bị đơn viết và ký ra nên lời khai của bị đơn là không có cơ sở. Xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn vi phạm sự thỏa thuận

giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào các điều 256, 298 Bộ luật Dân sự năm 2005, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Mỹ H số tiền gốc đã vay tổng cộng 200.000.000 đồng.

[4] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[4.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải trả số tiền gốc cho nguyên đơn là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

[4.2] Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0001869 ngày 01/7/2021.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 256, 298 Bộ luật Dân sự 2005. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ H.

1. Đối với nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Nguyễn Vũ Th có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Mỹ H số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về tiền án phí: Buộc ông Nguyễn Vũ Th phải chịu 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Bà Đặng Thị Mỹ H được nhận lại 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0001869 ngày 01/7/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Văn Công Cường**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Văn Công Cường**

